

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

*(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)*



**1. Thông tin chung**

- Họ và tên: Nguyễn Thanh Thủy
- Năm sinh: 14-08-1960
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS) (năm, nơi cấp bằng): 1987, Trường Đại học Bách Khoa, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam
- Chức danh Giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): 2010, Trường Đại học Công nghệ (ĐHQG Hà Nội).

- Ngành, chuyên ngành khoa học: CNTT, chuyên ngành Khoa học Máy tính
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Cán bộ giảng dạy, khoa CNTT, Trường Đại học Công nghệ (ĐHQG Hà Nội)
- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ (ĐHQG Hà Nội); Viện trưởng Viện Tin học Pháp ngữ; Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học (Trường Đại học Bách khoa Hà Nội).
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo): Từ 2011 đến 2019, Hội đồng Giáo sư cơ sở Trường Đại học Công nghệ (ĐHQG Hà Nội).
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): Từ 2009 đến 2014, Hội đồng Giáo sư ngành CNTT, nhiệm kỳ 2009-2013.  
Từ 2014 đến 2018, Hội đồng Giáo sư ngành CNTT, nhiệm kỳ 2014-2018  
Từ 2019 đến 2020, Hội đồng Giáo sư ngành CNTT
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): 2019, 2020, Hội đồng Giáo sư nhà nước, nhiệm kỳ 2018-2023.

**2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)**

**2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình**

- a) Tổng số sách đã chủ biên: 9 sách in nhà xuất bản trong đó 1 sách giáo trình (viết một mình), 6 sách tham khảo (chủ biên, đồng tác giả), 2 sách tham khảo (đồng tác giả).

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn*).

## 2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

a) Tổng số đã công bố: 38 bài báo tạp chí trong nước; 16 bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

- Trong nước:

1. Nga Le-Thi-Thu, Khoi Nguyen-Tan, Thuy Nguyen-Thanh, Reconstruction of low degree B-spline surfaces with arbitrary topology using inverse subdivision scheme, *Journal on Information and Communications Technology, Danang University*, Vol.3, No.1, pp. 82-88, 2017, ISSN 1859-1531.

- Quốc tế:.....

1. Phan Anh, Ha Nhat Duong, Man Duc Chuc, Bui Quang Hung, Nguyen Thi Nhat Thanh, Nguyen Thanh Thuy, Rapid Assessment of Flood Inundation and Damaged Rice Area in Red River Delta from Sentinel 1A Imagery, *Remote Sensing*, 11 (17), 2019, ISSN 2072-4292.

2. Vinh V. Tran, Ha V Pham, Thanh TN Nguyen, Thanh X Pham, Hung Q Bui, Anh X Nguyen, Thuy T Nguyen, Satellite Aerosol Optical Depth over Vietnam, an analysis from VIIRS and CALIOP aerosol products, *Land-Atmospheric Research Applications in South and Southeast Asia, Book Series: Springer Remote Sensing/Photogrammetry*, pp. 499-522, 2018, ISBN 978-3-319-67473-5.

3. Nga Le-Thi-Thu, Khoi Nguyen-Tan, Thuy Nguyen-Thanh, Reconstructing B-patch surface from triangular mesh, *EAI Endorsed Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems*, Vol. 4, pp. 1-9, 2018, ISSN 2410-0218.

4. Nguyen Ha Huy Cuong, Vijender Kumar Solanki, Doan Van Thang, Nguyen Thanh Thuy, Resource Allocation for Heterogeneous Cloud Computing, *International Journal Network Protocols and Algorithms (NPA)*, Vol. 9, No. 1-2, pp. 71 - 84, 2017, ISSN 1943-3581, DOI:10.5296/npa.v9i1-2.

5. Man D.C., Nguyen T.T., Bui Q. H., Lasko K., Nguyen T. N. T, Improvement of Land Cover Classification over Frequently Cloud-covered Areas using Landsat 8 Time Series Composites and Ensemble of Supervised Classifiers, *International Journal of Remote Sensing*, 39 (4), 2017, ISSN:0143-1161.

6. Hai Tran, Triet Le, Thai Le, Thuy Nguyen, Real Time Burning Image Classification Using Support Vector Machine, *EAI Endorsed Transactions on Context-aware Systems and Applications* 4.14, 2017, ISSN: 2409-0026, [dx.doi.org/10.4108/eai.6-7-2017.152760](https://doi.org/10.4108/eai.6-7-2017.152760).

7. Hai Son Tran, Thai Hoang Le, and Thuy Thanh Nguyen, The Degree of Skin Burns Images Recognition using Convolutional Neural Network, *Indian Journal of Science and Technology* 9.45, 2016, ISSN: 0974-6846.

8. Binh Thanh Nguyen, Duc Huu Nguyen, Thuy Thanh Nguyen, Doan Bang Hoang, Design of a workflow-based grid framework, *International Journal of Computer Theory and Engineering*, Vol 8, No. 1, pp. 14-23, 2016, ISSN: 1793-8201.
9. Thai Hoang Le, Hai Tran Son, Nguyen Thanh Thuy, Facial expression classification using artificial neural network and k-nearest neighbor, *International Journal of Information Technology and Computer Science (IJITCS)* 7.3, 2015: 27, ISSN: 2074-9007 (Print), ISSN: 2074-9015 (Online), DOI: 10.5815/ijitcs.
10. Nguyen T. T. N., Bui H. Q., Pham H. V, Luu H. V, Man C. D., Pham H. N., Le, H. T., Nguyen T. T, Particulate matter concentration mapping from MODIS satellite data: a Vietnamese case study, *Environmental Research Letters*, Vol. 10, No. 9, 095016, 2015, ISSN: 1748-9326.
11. Ha Huy Cuong Nguyen, Hung Vi Dang, Nguyen Minh Nhut Pham, Van Son Le, Thanh Thuy Nguyen, Deadlock Detection for Resource Allocation in Heterogeneous Distributed Platforms, *Advances in Intelligent Systems and Computing*, Volume 361, Issue 2, pp. 285 – 295, 2015, Print ISBN978-3-319-19023-5, [https://doi.org/10.1007/978-3-319-19024-2\\_29](https://doi.org/10.1007/978-3-319-19024-2_29).

### **2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)**

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 0 cấp Nhà nước; 13 cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

Hệ thống công nghệ tích hợp giám sát hiện trường phục vụ ra quyết định kịp thời và tin cậy, Đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013-2014, Chủ nhiệm đề tài.

### **2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)**

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có: tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

### **2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ**

a) Tổng số: 6 NCS đã hướng dẫn chính (trong tổng số 17 NCS đã hướng dẫn đã được cấp bằng tiến sĩ).

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

STT	Tên Nghiên cứu sinh	QĐ hướng dẫn	Năm bảo vệ thành công
1	Đào Ngọc Phong ( <b>Hướng dẫn chính</b> )	Số 2440/ QĐ-ĐHBK/SĐH, 29/12/2008	2015
2	Nguyễn Thanh Bình ( <b>Hướng dẫn phụ</b> )	Số 2389/ QĐ-ĐHBK/SĐH, 28/10/2011	2016
3	Nguyễn Hà Huy Cường ( <b>Hướng dẫn phụ</b> )	Số 1406/QĐ-ĐHĐN, 28/3/2012	2017
4	Phạm Đình Phong ( <b>Hướng dẫn chính</b> )	Số 53/QĐ-ĐT, 25/01/2013.	2018
5	Lê Thị Thu Nga ( <b>Hướng dẫn chính</b> )	Số 1404/ QĐ-ĐHĐN, 28/3/2012	2019

### 3. Các thông tin khác

**3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình** (Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...):

#### A. Bài báo tạp chí

1. Phan Anh, Ha Nhat Duong, Man Duc Chuc, Bui Quang Hung, Nguyen Thi Nhat Thanh, Nguyen Thanh Thuy, Rapid Assessment of Flood Inundation and Damaged Rice Area in Red River Delta from Sentinel 1A Imagery, *Remote Sensing*, 11 (17), 2019, ISSN 2072-4292.
2. Vinh V. Tran, Ha V Pham, Thanh TN Nguyen, Thanh X Pham, Hung Q Bui, Anh X Nguyen, Thuy T Nguyen, Satellite Aerosol Optical Depth over Vietnam, an analysis from VIIRS and CALIOP aerosol products, *Land-Atmospheric Research Applications in South and Southeast Asia, Book Series: Springer Remote Sensing/Photogrammetry*, pp. 499-522, 2018, ISBN 978-3-319-67473-5.
3. Nga Le-Thi-Thu, Khoi Nguyen-Tan, Thuy Nguyen-Thanh, Reconstructing B-patch surface from triangular mesh, *EAI Endorsed Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems*, Vol. 4, pp. 1-9, 2018, ISSN 2410-0218.
4. Nga Le-Thi-Thu, Khoi Nguyen-Tan, Thuy Nguyen-Thanh, Reconstruction of low degree B-spline surfaces with arbitrary topology using inverse subdivision scheme, *Journal on Information and Communications Technology, Danang University*, Vol.3, No.1, pp. 82-88, 2017, ISSN 1859-1531.
5. Nguyen Ha Huy Cuong, Vijender Kumar Solanki, Doan Van Thang, Nguyen Thanh Thuy, Resource Allocation for Heterogeneous Cloud Computing, *International Journal Network Protocols and Algorithms (NPA)*, Vol. 9, No. 1-2, pp. 71 - 84, 2017, ISSN 1943-3581, DOI:10.5296/npa.v9i1-2.
6. Man D.C., Nguyen T.T., Bui Q. H., Lasko K., Nguyen T. N. T, Improvement of Land Cover Classification over Frequently Cloud-covered Areas using Landsat 8 Time Series

Composites and Ensemble of Supervised Classifiers, *International Journal of Remote Sensing*, **39** (4), 2017, ISSN:0143-1161.

7. Hai Tran, Triet Le, Thai Le, Thuy Nguyen, Real Time Burning Image Classification Using Support Vector Machine, *EAI Endorsed Transactions on Context-aware Systems and Applications* 4.14, 2017, ISSN: 2409-0026, [dx.doi.org/10.4108/eai.6-7-2017.152760](https://doi.org/10.4108/eai.6-7-2017.152760).

8. Hai Son Tran, Thai Hoang Le, and Thuy Thanh Nguyen, The Degree of Skin Burns Images Recognition using Convolutional Neural Network, *Indian Journal of Science and Technology* 9.45, 2016, ISSN: 0974-6846.

9. Binh Thanh Nguyen, Duc Huu Nguyen, Thuy Thanh Nguyen, Doan Bang Hoang, Design of a workflow-based grid framework, *International Journal of Computer Theory and Engineering*, Vol 8, No. 1, pp. 14-23, 2016, ISSN: 1793-8201.

10. Thai Hoang Le, Hai Tran Son, Nguyen Thanh Thuy, Facial expression classification using artificial neural network and k-nearest neighbor, *International Journal of Information Technology and Computer Science (IJITCS)* 7.3, 2015: 27, ISSN: 2074-9007 (Print), ISSN: 2074-9015 (Online), DOI: 10.5815/ijitcs.

11. Nguyen T. T. N., Bui H. Q., Pham H. V, Luu H. V, Man C. D., Pham H. N., Le, H. T., Nguyen T. T, Particulate matter concentration mapping from MODIS satellite data: a Vietnamese case study, *Environmental Research Letters*, Vol. 10, No. 9, 095016, 2015, ISSN: 1748-9326.

12. Ha Huy Cuong Nguyen, Hung Vi Dang, Nguyen Minh Nhut Pham, Van Son Le, Thanh Thuy Nguyen, Deadlock Detection for Resource Allocation in Heterogeneous Distributed Platforms, *Advances in Intelligent Systems and Computing*, Volume 361, Issue 2, pp. 285 – 295, 2015, Print ISBN978-3-319-19023-5, [https://doi.org/10.1007/978-3-319-19024-2\\_29](https://doi.org/10.1007/978-3-319-19024-2_29).

13. Phong Pham Dinh, Thuy Nguyen Thanh, Thanh Tran Xuan, A hybrid multi-objective PSO-SA algorithm for the fuzzy rule based classifier design problem with the order based semantics of linguistic terms, *VNU Journal of Computer Science and Communication Engineering*, Vol. 30, No. 4, pp. 44–56, 2014, ISSN: 0866-8612.

14. Nguyễn Thị Thu Hương, Nguyễn Thúc Hải, Nguyễn Thanh Thủy, Kết hợp phân đoạn diễn ngôn với bộ phân tích cú pháp liên kết để phân tích cú pháp câu ghép nhiều mệnh đề tiếng Việt, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 28, Số 4, trang 297- 309, 2012, ISSN 1813-9663.

15. Phạm Đình Phong, Nguyễn Cát Hồ, Trần Thái Sơn, Nguyễn Thanh Thủy, Một phương pháp thiết kế hệ phân lớp mờ dựa trên việc mở rộng lượng hóa đại số gia tử, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 29, Số 4, trang 325- 337, 2012, ISSN 1813-9663.

16. Binh Thanh Nguyen, Duc Huu Nguyen, Thuy Thanh Nguyen, G-ODE: an extension of the Apache ODE for grid services, *Journal of Computer Science and Cybernetics*, Vol 28, No. 3, pp. 245-259, 2012, ISSN: 1813-9663.

17. Hai Tran Son, Thai Hoang Le, Nguyen Thanh Thuy, Image classification using support vector machine and artificial neural network, *International Journal of Information Technology and Computer Science (IJITCS)* 4.5, (2012): 32, ISSN: 2074-9007 (Print), ISSN: 2074-9015 (Online), DOI: 10.5815/ijitcs.

18. Thai Hoang Le, Hai Son Tran, Thuy Thanh Nguyen, Applying Multi Support Vector Machine for Flower Image Classification, *Context-Aware Systems and Applications*, (2012): 268, ISBN: 978-1-936968-65-7.

19. Đào Ngọc Phong, Nguyễn Xuân Hoài, Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Quang Uy, Nghiên cứu và thử nghiệm lập trình Gen trong bài toán tìm các xấp xỉ hàm Q-function, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, số 27, tập 4, trang 317-328, 2011, ISSN: 1813-9663.
20. Nguyễn Hữu Đức, Nguyễn Thanh Thủy, Tính toán đa dụng trên các bộ xử lý đồ họa đa lõi (General-Purpose computation on graphic processing units), *Tạp chí Khoa học & Công nghệ các trường ĐH Kỹ thuật*, No.77, Trang 1-5, 2010, ISBN 0868-3980.
21. Trịnh Thị Thúy Giang, Lê Trọng Vĩnh, Hoàng Chí Thành, Nguyễn Thanh Thủy, Tối ưu đa mục tiêu trong việc lập lịch cho hệ thống tính toán lưới, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 25, số 1, trang 79-87, 2009, ISSN 1813-9663.
22. Trịnh Thị Thúy Giang, Hồ Đắc Phương, Nguyễn Thanh Thủy, Lập lịch trong hệ thống tính toán lưới dựa trên kỹ thuật tối ưu hóa của nhóm bầy, *Tạp chí Công nghệ Thông tin Truyền thông, Chuyên san Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ Thông tin và Truyền thông*, Tập V-1, số 2 (22), trang 38-42, 2009, ISSN 1859-3526.
23. Nguyễn Thanh Thủy, Đoàn Trung Sơn, Các giải pháp nâng cao hiệu quả suy diễn trong các hệ tri thức f-luật, *Tạp chí Khoa học & Công nghệ các trường ĐH Kỹ thuật*, Số 65, trang 35-39, 2008, ISBN 0868-3980.
24. Trương Minh Nhật Quang, Hoàng Kiếm, Nguyễn Thanh Thủy, Ứng dụng máy học và hệ chuyên gia trong phân loại và nhận dạng virus máy tính, *Tạp chí Công nghệ Thông tin Truyền thông, Chuyên san Các công trình nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Công nghệ Thông tin và Truyền thông*, Tập 19, số 2, trang 93-101, 2008, ISSN 1859-3526.
25. Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Duy Tùng, Hoàng Minh Thức, Phân tách cơ sở tri thức và một số cài đặt thử nghiệm, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Viện KHCN Việt nam*, Tập 44, số 3, trang 13-25, 2006, ISSN: 0866-708X.
26. Vũ Mạnh Xuân, Nguyễn Thanh Thủy, Giải thuật di truyền mã hoá số thực với toán tử lai ghép SBX, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 22, số 2, trang 134-140, 2006, ISSN 1813-9663.
27. Hoàng Minh Thức, Nguyễn Thúc Hải, Nguyễn Thanh Thủy, Mô hình đào tạo từ xa trên cơ sở quản trị tri thức sử dụng tác tử thông minh, *Tạp chí Bưu chính Viễn thông Công nghệ Thông tin (Chuyên san: Các Công trình nghiên cứu triển khai VT&CNTT)*, số 16, trang 59-69, 2006, ISSN 0866-7039.
28. Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Duy Tùng, Hoàng Minh Thức, Phân tách cơ sở tri thức và một số cài đặt thử nghiệm, *Tạp chí Khoa học Công nghệ, Viện KHCN Việt Nam*, Tập 44, số 3, trang 13-25, 2006, ISSN: 0866-708X.
29. Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Duy Tùng, Một số thuật toán phân cụm ứng dụng trong phân tách CSTT, *Tạp chí Khoa học Công nghệ, Viện KHCN Việt Nam*, Tập 43, số 2, trang 10-25, 2005, ISSN: 0866-708X.
30. Nguyễn Thanh Thủy, Vũ Mạnh Xuân, Cơ cấu lựa chọn thích nghi toán tử lai ghép trong giải Thuật di truyền mã hoá số thực, *Tạp chí Tin học & Điều khiển học*, Tập 21, số 2, trang 143-150, 2005, ISSN 1813-9663.
31. Hoàng Minh Thức, Nguyễn Thúc Hải, Nguyễn Thanh Thủy, Quá trình tạo dựng mô hình tác tử thông minh, *Tạp chí Khoa học Công nghệ các trường ĐHK*, Tập 52, trang 21-26, 2005, ISBN 0868-3980.
32. Nguyễn Tấn Phát, Trần Ngọc Truyền, Nguyễn Thanh Thủy, Dự báo giá cả dựa trên mô hình lai di truyền mờ, *Tạp chí Khoa học Công nghệ các trường ĐHK*, Tập 48, trang 6-9, 2004, ISBN 0868-3980.

33. Nguyễn Thanh Thủy, Phan D-ong Hiệu, Takahiro Yamanoi, Some preliminary results on the stableness of extended F-rule systems, *Journal of Advanced Computational Intelligence and Intelligent Informatics*, Vol. 7, No. 3, pp. 252-259, 2003, 1343-0130 (Print) / 1883-8014 (Online).
34. Nguyễn Thanh Thủy, Trịnh Kim Chi, Phạm Thanh Sơn, Khảo sát đặc tính hệ tri thức F-luật đơn điệu yếu, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, tập 19, số 3, trang 256-262, 2003, ISSN 1813-9663.
35. Nguyễn Thanh Thủy, Phan D-ong Hiệu, Nghiên cứu một số toán tử suy diễn đối với hệ tri thức F-luật, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 18, số 1, trang 51-58, 2002, ISSN 1813-9663.
36. Nguyễn Thanh Thủy, Phan D-ong Hiệu, Phân tách hệ tri thức F-luật đơn điệu, *Tạp chí Khoa học Công nghệ, Trung tâm KHTNCNQG*, Tập 40, số 4, trang 1-8, 2002, ISSN: 0866-708X.
37. Nguyễn Thanh Thủy, Phan D-ong Hiệu, Lập luận trong các hệ tri thức F-luật, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học, Trung tâm KHTNCNQG*, Tập 17, số 1, trang 54-61, 2001, ISSN 1813-9663.
38. Lê Thanh Hương, Phạm Hồng Quang, Nguyễn Thanh Thủy, Một cách tiếp cận trong phân tích văn bản tiếng Việt, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 16, số 4, trang 69-78, 2000, ISSN 1813-9663.
39. Nguyễn Thanh Thủy, Trương Minh Nhật Quang, Máy ảo- công cụ hỗ trợ hệ chẩn đoán và diệt virus tin học thông minh, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 16, số 2, trang 37-40, 2000, ISSN 1813-9663.
40. Nguyen Thanh Thuy, Nguyen Toan Thang, Thac Binh Cuong, Tran Dinh Khang, A fuzzy distributed expert system design tool EXGEN and its application to sensory foodstuff evaluation, *International Journal of Uncertainty, Fuzziness and Knowledge-based systems*, Vol. 7 , No. 4, pp. 383-388, 1999, ISSN (print): 0218-4885 | ISSN (online): 1793-6411.
41. Nguyễn Thanh Thủy, Lê Hoàng Thái, Giải thuật di truyền: kỹ thuật và ứng dụng, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 15, số 1, trang 31-37, 1999, ISSN 1813-9663.
42. Nguyễn Thanh Thủy, Trần Ngọc Hà, Tích hợp kỹ thuật mạng nơron và giải thuật di truyền trong phân tích dữ liệu, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 15, số 2, trang 11-19, 1999, ISSN 1813-9663.
43. Nguyễn Thanh Thủy, Trương Minh Nhật Quang, Cây chỉ thị nhị phân biểu diễn không gian trạng thái chẩn đoán virus tin học, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 15, số 3, trang 40-45, 1999, ISSN 1813-9663.
44. Trần Ngọc Hà, Nguyễn Thanh Thủy, Mạng nơron nhiều lớp lan truyền ngược dùng cho việc mô hình hoá, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 14, số 1, trang 26-33, 1998, ISSN 1813-9663.
45. Nguyễn Thanh Thủy, Trương Minh Nhật Quang, Các cơ chế chẩn đoán virus tin học thông minh dựa trên tri thức, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 14, số 2, trang 42-52, 1998, ISSN 1813-9663.
46. Trần Ngọc Hà, Nguyễn Thanh Thủy, Mạng nơron lan truyền ngược h-ống cho nhận dạng ký tự, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 14, số 2, trang 13-18, 1998, ISSN 1813-9663.
47. Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Hữu Đức, Nguyễn Vũ Quốc Hưng, Nâng cao hiệu quả suy diễn tự động trong bài toán chứng minh, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 14, số 4, trang 41-49, 1998, ISSN 1813-9663.

48. Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Hữu Đức, Thiết kế và cài đặt giao diện đồ họa trợ giúp học sinh vẽ hình phục vụ học sinh giải bài toán chứng minh hình học phẳng, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 13, số 2, trang 55-64, 1997, ISSN 1813-9663.
49. Nguyễn Thanh Thủy, Hệ trợ giúp kê và kiểm tra đơn thuốc chữa bệnh tăng huyết áp ES-Tension, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 12, số 3, trang 10-18, 1996, ISSN 1813-9663.
50. Nguyễn Thanh Thủy, Các kỹ thuật trợ giúp chứng minh bài toán hình học: cách tiếp cận Trí tuệ nhân tạo, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 12, số 4, trang 78-86, 1996, ISSN 1813-9663.
51. Nguyễn Thanh Thủy, Thiết kế các ngôn ngữ mô tả và xây dựng Cơ sở tri thức cho các phần mềm trợ giúp giải bài toán hình học, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 12, số 2, trang 30-40, 1996, ISSN 1813-9663.
52. Nguyễn Thanh Thủy, Thiết kế và cài đặt hệ nén dữ liệu thông minh IDCS, *Tạp chí Tin học và Điều khiển học*, Tập 11, số 3, trang 41-47, 1995, ISSN 1813-9663.
53. Nguyễn Thanh Thủy, Về thuật toán cài đặt cải biên nhóm phép toán Chiều-chọn-nối, *Tạp chí Khoa học Tính toán và Điều khiển*, Tập 2, số 3, trang 1-4, 1986, ISSN 1813-9663.
54. Nguyễn Thanh Thủy, Nguyễn Xuân Huy, Một vài thuật toán thực hiện phép chia trong mô hình quan hệ, *Tạp chí Khoa học Tính toán và Điều khiển*, Tập 1, số 4, trang 1-6, 1985, ISSN 1813-9663.

## B. Sách in tại nhà xuất bản

T T	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình <sup>(2)</sup> chủ biên, đồng tác giả
1	Trí tuệ nhân tạo	GT	NXB KHKT Xuất bản lần đầu 1995 Tái bản nhiều lần, lần cuối 2007	1	Viết một mình
2	Nhập môn Lập trình ngôn ngữ C	TK	NXB KHKT Xuất bản lần đầu 1999 Tái bản các năm 2001, 2003, 2005, lần cuối 2007	4	Chủ biên, Đồng tác giả
3	Bài tập Lập trình ngôn ngữ C	TK	NXB KHKT Xuất bản lần đầu 1999 Tái bản các năm 2001, 2003, 2005, lần cuối 2007	2	Đồng tác giả
4	Lập trình hướng đối tượng với C++	TK	NXB KHKT Xuất bản lần đầu 2000 Tái bản các năm 2003, 2005, 2009	4	Chủ biên, Đồng tác giả
5	Bài tập Lập trình hướng đối tượng với C++	TK	NXB KHKT Xuất bản lần đầu 2000 Tái bản các năm 2004, 2006, 2009	4	Chủ biên, Đồng tác giả



6	Nhập môn xử lý ảnh số	TK	NXB KHKT Xuất bản lần đầu 1999 Tái bản các năm 2000, 2003, 2007	2	Đồng tác giả
7	Nhập môn hệ điều hành LINUX	TK	NXB KHKT Xuất bản lần đầu 2000 Tái bản các năm 2005	4	Chủ biên, Đồng tác giả
8	Quản trị hệ thống LINUX	TK	NXB KHKT Xuất bản lần đầu 2000 Tái bản các năm 2005	4	Chủ biên, Đồng tác giả
9	STL-Lập trình khái lược trong C++	TK	NXB KHKT Xuất bản năm 2003	4	Chủ biên, Đồng tác giả

**C. Báo cáo trong tuyến tập hội nghị, hội thảo trong nước: 51**

**D. Báo cáo có phản biện trong hội nghị, hội thảo quốc tế: 45**

**E. Các sản phẩm chuyên môn khác:**

- Trưởng Ban Biên tập chuyên san VNU Journal of Computer Science and Communications Engineering, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Ủy viên Hội đồng biên tập tạp chí Tin học và Điều khiển học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

**3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):**

**3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):**

**3.4. Ngoại ngữ**

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Anh, Pháp.

- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Thành thạo.

*Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.*

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2020

**NGƯỜI KHAI**



NGUYỄN THANH THỦY